

Số: **263** /BC-UBND

Quảng Ngãi, ngày **15** tháng 11 năm 2024

BÁO CÁO

Về việc điều chỉnh nguồn kinh phí để thực hiện chi trả cho Lực lượng
tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 52 Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015; trên cơ sở ý kiến thống nhất của Thường trực HĐND tỉnh tại Công văn số 205/HĐND-PC ngày 30/10/2024 và đề xuất của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 3823/STC-NS ngày 06/11/2024, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo việc điều chỉnh nguồn kinh phí để thực hiện chi trả cho Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, như sau:

Thực hiện các Nghị quyết của HĐND tỉnh: số 06/2007/NQ-HĐND ngày 16/7/2007 thông qua quy định về số lượng chức danh và mức phụ cấp đối với lực lượng Bảo vệ dân phố ở phường, thị trấn nơi có bố trí lực lượng công an chính quy; số 16/2021/NQ-HĐND ngày 21/7/2021 quy định số lượng, mức phụ cấp đối với Công an xã bán chuyên trách khi được sử dụng tham gia bảo đảm an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; số 22/2022/NQ-HĐND ngày 30/9/2022 quy định mức hỗ trợ thường xuyên hàng tháng cho chức danh Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng và trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho đội dân phòng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; UBND tỉnh đã tham mưu, bố trí kinh phí thực hiện các chính sách nêu trên trong cân đối dự toán năm 2024 cho các huyện, thị xã, thành phố và đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 và UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1368/QĐ-UBND ngày 12/12/2023 với tổng kinh phí là 39.722 triệu đồng.

Ngày 18/6/2024, HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 12/2024/NQ-HĐND quy định tiêu chí thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; tiêu chí về số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; mức hỗ trợ, bồi dưỡng, trợ cấp và các mức chi khác bảo đảm điều kiện hoạt động đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 01/7/2024 và bãi bỏ các Nghị quyết: số 06/2007/NQ-HĐND ngày 16/7/2007; 16/2021/NQ-HĐND ngày 21/7/2021 và mức hỗ trợ thường xuyên hàng tháng cho chức danh Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng tại Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 30/9/2022, nên kinh phí còn lại không tiếp tục thực hiện và được điều chỉnh để thực hiện chi trả cho Lực

lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở theo Nghị quyết số 12/2024/NQ-HĐND ngày 18/6/2024 như Phụ lục kèm theo.

Kính báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- VPUB:CVP, PCVP, KTTH;
- Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, NC (lnphong580)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Hoàng Tuấn



Phụ lục

(Kèm theo Báo cáo số 263/BC-UBND ngày 15/11/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Lực lượng	Tổng kinh phí đã bố trí trong DT 2024	Tổng kinh phí thực hiện 6 tháng đầu năm	Kinh phí còn lại tiếp tục chi trả theo NQ số 12/2024/NQ- HĐND ngày 18/6/2024 của HĐND tỉnh
A	B	1	2	3=1-2
	Tổng cộng	39,722	19,501	20,221
a	Bảo vệ dân phố (Theo Nghị quyết số 06/2007/NQ-HĐND ngày 16/7/2007)	9,104	3,930	5,174
b	Công an xã bán chuyên trách (Theo Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 21/7/2021)	27,076	13,930	13,146
c	Đội dân phòng (Theo Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND)	3,542	1,641	1,901
	Chi tiết			
1	Tư Nghĩa	3,370	1,521	1,849
a	Bảo vệ dân phố	701	121	580
b	Công an xã bán chuyên trách	2,655	1,393	1,262
c	Đội dân phòng	14	7	7
2	Mộ Đức	2,710	1,249	1,461
a	Bảo vệ dân phố	123	57	66
b	Công an xã bán chuyên trách	2,382	1,090	1,292
c	Đội dân phòng	205	102	103
3	Minh Long	1,121	524	597
a	Bảo vệ dân phố	-	-	-
b	Công an xã bán chuyên trách	909	419	491
c	Đội dân phòng	212	106	106
4	Trà Bồng	3,005	1,594	1,411
a	Bảo vệ dân phố	294	158	136
b	Công an xã bán chuyên trách	2,213	1,186	1,027
c	Đội dân phòng	498	249	249

TT	Lực lượng	Tổng kinh phí đã bố trí trong DT 2024	Tổng kinh phí thực hiện 6 tháng đầu năm	Kinh phí còn lại tiếp tục chi trả theo NQ số 12/2024/NQ- HĐND ngày 18/6/2024 của HĐND tỉnh
5	Sơn Hà	3,614	1,869	1,745
a	Bảo vệ dân phố	439	237	202
b	Công an xã bán chuyên trách	2,629	1,359	1,270
c	Đội dân phòng	546	273	273
6	Sơn Tịnh	2,190	1,124	1,066
a	Bảo vệ dân phố		-	-
b	Công an xã bán chuyên trách	2,060	1,059	1,001
c	Đội dân phòng	130	65	65
7	TX Đức Phổ	3,722	2,023	1,699
a	Bảo vệ dân phố	2,153	1,162	991
b	Công an xã bán chuyên trách	1,467	810	657
c	Đội dân phòng	102	51	51
8	Ba Tơ	3,780	1,786	1,994
a	Bảo vệ dân phố	698	148	550
b	Công an xã bán chuyên trách	2,502	1,348	1,154
c	Đội dân phòng	580	290	290
9	Nghĩa Hành	3,181	1,167	2,014
a	Bảo vệ dân phố	280	-	280
b	Công an xã bán chuyên trách	2,363	1,051	1,312
c	Đội dân phòng	538	116	422
10	Bình Sơn	5,006	2,696	2,310
a	Bảo vệ dân phố	378	204	174
b	Công an xã bán chuyên trách	4,191	2,250	1,941
c	Đội dân phòng	437	242	195
11	Sơn Tây	1,283	596	687
a	Bảo vệ dân phố		-	-
b	Công an xã bán chuyên trách	1,044	477	567

TT	Lực lượng	Tổng kinh phí đã bố trí trong DT 2024	Tổng kinh phí thực hiện 6 tháng đầu năm	Kinh phí còn lại tiếp tục chi trả theo NQ số 12/2024/NQ- HĐND ngày 18/6/2024 của HĐND tỉnh
c	Đội dân phòng	239	119	120
12	Lý Sơn	275	147	128
a	Bảo vệ dân phố	-	-	-
b	Công an xã bán chuyên trách	234	126	108
c	Đội dân phòng	41	20	21
13	TP Quảng Ngãi	6,465	3,205	3,260
a	Bảo vệ dân phố	4,038	1,843	2,195
b	Công an xã bán chuyên trách	2,427	1,362	1,065
c	Đội dân phòng	-	-	-